

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 149/2023/HNGĐ-ST

Ngày 29-9-2023

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Lệ Chi.

2. Ông Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: bà Đỗ Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: ông Trần Trọng An- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Hà Thị H, sinh năm 1982; địa chỉ: số 17/17/4 Cao Bá Quát, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: anh Lê Văn T, sinh năm 1979; địa chỉ: số 17/17/4 Cao Bá Quát, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 4 năm 2023 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Hà Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị H và anh Lê Văn T tìm hiểu nhau một thời gian thì tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 215, quyển số 01/2007, ngày 21/12/2007. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có sự chấp thuận của gia đình hai bên.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không rõ ràng về tài chính trong gia đình, vay nợ lãi cao nhiều lần nhưng không nói với chị H, chủ nợ thường xuyên đến nhà đòi nợ gây ảnh hưởng đến tâm lý của các con. Một mình chị H chăm sóc con, lo công việc gia đình. Chị H đã khuyên can nhiều lần nhưng anh T không thay đổi, vợ chồng thường xuyên tranh cãi. Cuộc sống hôn nhân ngày càng ngột ngạt, không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T và chị H đã ly thân 02 lần, lần đầu ly thân từ năm 2017 đến năm 2019, lần thứ 2 từ năm 2022 đến nay, mặc dù vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng không có sự cảm thông, chia sẻ, hòa hợp với nhau. Chị H đã nói chuyện với anh T đề nghị giải quyết ly hôn, tuy nhiên anh T không đồng ý lên Tòa án làm thủ tục ly hôn vì còn vướng mắc về tài sản chung. Nay xác định cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị H yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị H và anh T có 03 con chung là Lê Hà Tuyết N, sinh ngày 11/7/2008, Lê Hà Nhật D, sinh ngày 06/11/2012 và Lê Hà Minh P, sinh ngày 11/4/2016. Các con hiện đang ở chung với vợ chồng, chị H là người trực tiếp chăm sóc các con. Sau ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung. Chị H không yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị H hiện làm kế toán kho của công ty, thu nhập khoảng 17 triệu đồng/tháng. Anh T làm lao động tự do, không rõ thu nhập ra sao.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Lê Văn T:* Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập anh T để cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa vào ngày 12/9/2023, 29/9/2023 nhưng T vắng mặt không có lý do. Anh T không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

- *Biên bản xác minh ngày 25/7/2023 tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố D thể hiện:* Hội liên hiệp phụ nữ phường D không nhận được đơn yêu cầu hòa giải cơ sở về quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T về mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung của hai anh chị nên không rõ. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:

Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định. Về nội dung vụ án: Căn cứ các điều

51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn anh Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào ngày 12/9/2023, 29/9/2023 nhưng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chị Hà Thị H có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 215, quyển số 01/2007, ngày 21/12/2007 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh T nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị H xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường xuyên vay tiền lãi cao không bàn bạc với chị H, không chăm lo, vun vén cho gia đình. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Quá trình tố tụng, Tòa án mở phiên hòa giải để hòa giải quan hệ hôn nhân cho anh chị nhưng anh T vắng mặt không có lý do, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị H. Chị H cũng có đơn từ chối hòa giải. Như vậy, chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh T không thể hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: chị H khai vợ chồng có 03 con chung tên là Lê Hà Tuyết N, sinh ngày 11/7/2008, Lê Hà Nhật D sinh ngày 06/11/2012 và Lê Hà Minh P sinh ngày 11/4/2016. Hiện các con chung vẫn đang ở với hai vợ chồng nhưng chủ yếu do chị H chăm sóc. Quá trình tố tụng anh T không đưa ra ý kiến về vấn đề con chung cũng như không phản đối yêu cầu của chị H về vấn đề con chung. Việc tiếp tục giao các con chung cho chị H nuôi dưỡng cũng phù hợp với nguyện vọng của các con chung, đảm bảo cho các con chung phát triển ổn định, phù hợp với mức thu nhập của chị H khoảng 17.000.000 đồng/tháng. Do đó căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị H về con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: chị H tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hà Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các Điều 238, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Thị H đối với bị đơn anh Lê Văn T về việc ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Hà Thị H được ly hôn với anh Lê Văn T (Giấy chứng nhận kết hôn số 215, quyển số 01/2007, ngày 21/12/2007 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh T cấp).

- Về con chung: anh Lê Văn T giao con chung là Lê Hà Tuyết N, sinh ngày 11/7/2008, Lê Hà Nhật D sinh ngày 06/11/2012 và Lê Hà Minh P sinh ngày 11/4/2016 cho chị Hà Thị H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau ly hôn, chị H và anh T đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hà Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006330 ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND xã Tân Cửu Nghĩa,
huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngân